

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC**  
**LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ**  
(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày     / 7 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Thẩm quyền quyết định	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT</b>					
<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>						
1	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	55 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ
<b>Lĩnh vực Kiểm Lâm</b>						
2	Quyết định giao rừng cho tổ chức	- 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Bàn giao rừng: 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định giao rừng của UBND cấp tỉnh	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	UBND cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ
3	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	UBND cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Thẩm quyền quyết định	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Phê duyệt phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	UBND cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ
5	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	UBND cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ
6	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	- 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp chủ rừng là đơn vị thuộc địa phương quản lý. - 48 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ ngành)	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN</b>					
	<b>Lĩnh vực Kiểm Lâm</b>					
1	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ
2	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Thẩm quyền quyết định	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>C</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ</b>					
	<b>Lĩnh vực Kiểm Lâm</b>					
1	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	50 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Thẩm quyền quyết định	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<b>Lĩnh vực Kiểm lâm</b>					
1	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	- 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp chủ rừng là đơn vị thuộc địa phương quản lý). - 48 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ ngành).	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ